

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày 13 - 02 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diêu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nam Long và bà Hoàng Thị Thoan.

- Thư ký phiên tòa: ông Đặng Minh Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại phòng xét xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HS ngày 23-12/2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T, sinh ngày 10/5/1973 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn X, xã P, huyện G, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 5/10; nghề nghiệp: sản xuất nông nghiệp; con ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Y; có 03 người con, lớn nhất 27 tuổi, nhỏ nhất 16 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 08/01/2024 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

2. Lê H, sinh ngày 09/9/1977 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn X, xã P, huyện G, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê C (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Lương Thị L1; có 02 người con, lớn 22 tuổi, nhỏ 13 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 11/01/2024 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

3. Trần Thị L2, sinh ngày 12/6/1964 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 6/10; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị T2 (đều đã chết); có chồng là Ngô Huy B; có 02 người con, con lớn 38 tuổi, con nhỏ 37 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Lê Thị L3, sinh ngày 24/02/1989 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 6/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê Văn V và bà Dương Thị L4; có chồng là Ngô Văn S; có 03 người con, lớn nhất 13 tuổi và

02 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Lương Thị L1, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn X, xã P, huyện G, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn X, xã P, huyện G, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

+ Ông Ngô Văn S, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 01/2024, Lê H trong một lần đi làm cỏ cao su tại xã L, huyện G, tỉnh Quảng Trị phát hiện tại một hố bom có một quả bom bị vỡ và thuốc nổ từ quả bom bị vỡ còn sót lại, H nảy sinh ý định lấy thuốc nổ và sắt từ quả bom về bán kiếm tiền. Ngày hôm sau, Lê H mang theo xẻng, xà beng, bao lác và dây lác đến vị trí quả bom, tiến hành đào và lấy được khoảng 60kg thuốc nổ, cho vào 02 bao lác màu trắng, lấy dây lác buộc chặt miệng rồi đặt cạnh hố, dùng đất lấp lại để che dấu. Sau đó, H thu dọn dụng cụ, nhặt thêm vài miếng sắt từ vỏ bom về bán phế liệu lấy tiền.

Chiều ngày 07/01/2024, Lê H gọi điện thoại cho Nguyễn Đức T nói mình đang có khoảng 60kg thuốc nổ và hỏi T có muốn mua không, T đồng ý mua và thống nhất giá bán là 270.000 đồng/kg, hẹn sẽ giao thuốc nổ vào sáng sớm ngày 08/01/2024. Sau đó, Nguyễn Đức T gọi điện thoại cho Lê Thị L3 nói đang có một ít thuốc nổ và hỏi L3 mua được bao nhiêu thì mua, số còn lại T sẽ bán cho Trần Thị L2.

Khoảng 01 giờ 30 ngày 08/01/2024, Lê H mang theo một cái cân đến vị trí giấu thuốc nổ, tiến hành cân 02 bao thuốc nổ được gần 60kg. H dùng xe mô tô mang BKS 75X1-0815 chở 02 bao thuốc nổ đến thôn K, xã P, huyện G bán cho T với số tiền 16.200.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Đức T sử dụng xe mô tô mang BKS 74B1-123.38 chở theo 02 bao thuốc nổ theo Quốc lộ A di chuyển ra Quảng Bình với ý định bán cho Lê Thị L3 và Trần Thị L2 với giá 400.000 đồng/kg. Khoảng 03 giờ 20 phút cùng ngày, khi đi đến địa phận xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, Nguyễn Đức T bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê H tại thôn X, xã P, huyện G, tỉnh Quảng Trị đã phát hiện thu giữ 02 viên đạn quân dụng cỡ 12,7 x 108 mm; 02 hộp pháo hoa loại 36 ống có nhãn hiệu bên ngoài “CHONGKOL” và 20 viên pháo hoa bi (tổng khối lượng pháo là 2,9kg).

Về nguồn gốc 02 viên đạn, Lê H khai nhận khoảng giữa năm 2018, trong lúc đi chăn bò tại khu vực thuộc xã P, huyện G, tỉnh Quảng Trị (không nhớ chính xác được vị trí), H nhặt được một viên đạn nằm giữa bãi cỏ, thấy viên đạn còn mới, nguyên vẹn đầu đạn và thân đạn nên H mang về nhà cất vào tủ để làm kỷ niệm. Khoảng cuối năm 2018, trong một lần đi chăn bò khác (không nhớ chính xác vị trí), H nhặt được một viên đạn có đặc điểm giống viên đạn mình nhặt được trước đó và đưa về nhà cất giữ cùng với viên đạn đã nhặt được trước đây. Việc nhặt, cất giữ 02 viên đạn này chỉ một

mình Hiệp biết, người thân trong gia đình không biết gì về sự việc này. Đối với 02 hộp pháo hoa loại 36 ống nhãn hiệu “CHONGKOL” và 20 viên pháo hoa bi, Lê H khai nhận khoảng tháng 8/2023 đã đặt mua từ một tài khoản trên mạng xã hội facebook (không nhớ tên tài khoản) 02 hộp pháo nhãn hiệu “CHONGKOL” với giá 400.000 đồng/hộp và được tặng kèm theo 20 viên pháo bi, Lê H cất giấu số pháo này để dự định sẽ sử dụng vào dịp Tết nguyên đán năm 2024

Quá trình điều tra, Nguyễn Đức T khai nhận trước đó đã có 01 lần bán thuốc nổ cho Trần Thị L2 và Lê Thị L3, cụ thể: khoảng đầu tháng 8/2023, trong khi đi làm rẫy tại khu vực rừng cao su thuộc xã P, huyện G, tỉnh Quảng Trị, Nguyễn Đức T gặp một người đàn ông lạ mặt đang đi rà phết liệu trong rừng, người đàn ông này nói vừa rà được 15kg thuốc nổ và hỏi T có muốn mua không, T đồng ý mua 15kg thuốc nổ với giá 280.000 đồng/kg. Sau đó, Nguyễn Đức T gọi điện thoại cho Lê Thị L3 và Trần Thị L2 hỏi có mua thuốc nổ không để chở ra bán, L3 và L2 đồng ý mua. Nguyễn Đức T đã sử dụng xe mô tô mang BKS 74B1-123.38 chở theo 15kg thuốc nổ đến thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình bán cho Lê Thị L3 05kg thuốc nổ với giá 400.000 đồng/kg và bán cho Trần Thị L2 10kg thuốc nổ với giá 420.000đồng/kg.

Sau khi mua thuốc nổ từ Nguyễn Đức T, Trần Thị L2 chia số thuốc nổ này vào 03 bao ni lon màu đen, đem cất giấu trong nhà kho. Ban đầu L2 dự định sẽ đưa thuốc nổ cho chồng là Ngô Huy B mang đi biển đánh cá. Tuy nhiên, do Ngô Huy B sức khỏe yếu nên chuyển từ nghề đánh cá sang câu mực gần bờ, không có nhu cầu dùng thuốc nổ nữa nên Trần Thị L2 đã cất giấu số thuốc nổ này trong nhà kho cho đến khi bị Cơ quan An ninh điều tra thu giữ.

Đối với Lê Thị L3, khoảng cuối năm 2022, L3 nhặt được một số kíp nổ và dây cháy chậm tại khu vực bãi biển gần nhà thuộc xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, đưa về nhà cất giấu trong phòng ngủ. Tháng 8/2023, sau khi mua thuốc nổ từ Nguyễn Đức T, L3 sử dụng số thuốc nổ này cùng với kíp nổ, dây cháy chậm đã nhặt được trước đó làm được 15 quả mìn tự chế (gọi là quả nổ) để đưa đi đánh cá. Khoảng tháng 9/2023, trong một lần đi đánh cá cùng chồng, L3 đã mang theo 12 quả nổ để đánh cá, nhưng anh Ngô Văn S đã ngăn cản không cho L3 sử dụng thuốc nổ nên L3 đã vứt 12 quả nổ này xuống biển. Còn lại 03 (ba) quả nổ, 14 (mười bốn) kíp nổ và 02 (hai) đoạn dây cháy chậm, L3 cất giấu trong phòng ngủ với ý định sau này có việc sẽ sử dụng thì bị Cơ quan An ninh điều tra khám xét khẩn cấp và thu giữ.

Ngày 09/01/2024, Phòng K1 Công an tỉnh Q có bản Kết luận giám định số 90/KL-KTHS, kết luận:

- 02 (hai) bao lác bên trong có nhiều vật thể chất rắn dạng cục, có nhiều hình dạng, kích thước khác nhau thu giữ được khi bắt quả tang Nguyễn Đức T có tổng khối lượng 60,6 kg, đều là thuốc nổ có thành phần chính là TNT (T4), thuộc vật liệu nổ, tình trạng còn sử dụng được.

- 03 (ba) túi ni lon màu đen, bên trong chứa chất rắn dạng cục, màu xám có kích thước hình dạng khác nhau thu giữ được khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị L2 có tổng khối lượng 9,34kg, đều là thuốc nổ có thành phần chính là TNT (T4), thuộc vật liệu nổ, tình trạng còn sử dụng được.

Ngày 31/01/2024, Phòng K1 Công an tỉnh Q có bản Kết luận giám định số 136/KL-KTHS kết luận:

- Chất rắn bên trong 03 (ba) vật thể vỏ bằng kim loại, hình trụ tròn, ngoài vỏ có dòng chữ “LIPOVITAN” thu giữ được khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thị L3 có tổng khối lượng 0,92 kg, là thuốc nổ có thành phần chính là TNT (T4), thuộc vật liệu nổ, tình trạng còn sử dụng được.

- 14 (mười bốn) ống kim loại hình trụ thu giữ được khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thị L5 là kíp nổ đốt số 8, thuộc phụ kiện nổ, thuộc vật liệu nổ.

- 02 (hai) đoạn dây thu giữ được khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thị L3 có tổng chiều dài 3,96 m, đều là dây cháy chậm, thuộc phụ kiện nổ, vật liệu nổ.

- 02 (hai) hộp hình lập phương bên ngoài có chữ nước ngoài và có hình ảnh pháo hoa thu giữ được khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê H là pháo nổ (loại pháo hoa nổ), có khối lượng 2,8kg; 20 vật hình cầu có nhiều màu sắc là pháo nổ có khối lượng 0,1kg.

Ngày 26/01/2024, Phòng K1 Công an tỉnh Q có bản Kết luận giám định số 142/KL-KTHS kết luận: 02 (hai) vật kim loại vỏ màu vàng, có hình dạng viên đạn, một vật ở đáy có chữ số 41 và 65; một vật ở đáy có chữ số 41 và 63 là đạn cỡ (12,7x108)mm, thuộc vũ khí quân dụng; tại thời điểm giám định các mẫu vật cần giám định sử dụng để bắn được.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm:

- Tổng cộng 70,86 kg thuốc nổ có thành phần chính là TNT (T4), tình trạng còn sử dụng được; 14 kíp nổ điện số 8, còn sử dụng được; 3,96m dây cháy chậm, còn sử dụng được (đã giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Q quản lý theo quy định).

- 02 (hai) viên đạn màu vàng cỡ (12,7 x108)mm.

- 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 74B1-123.38; số máy: JC54E3125632; số khung: 5385EZ080070 (thu giữ của Nguyễn Đức T).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, đã qua sử dụng, máy có số IMEI 35733256046799 và 357332560962991; máy đã qua sử dụng, chưa kiểm tra tình trạng bên trong (thu giữ của Nguyễn Đức T).

- 01 (một) Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Đức T; số 450063006372; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị Y số 001312.

- 19 (mười chín) bao lác màu trắng, hai mặt đều có in chữ và hình ảnh màu xanh, đỏ vàng, trong đó một mặt có ghi “ĐẠM NINH BÌNH”.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu xanh; có số IMEI 352884/79/601676/5, máy đã qua sử dụng, chưa kiểm tra tình trạng bên trong; 01 (một) xe mô tô vỏ màu đen nhãn hiệu Wave a gắn kiểm soát 75X1-0815.

- 01 (một) điện thoại di động NOKIA vỏ màu xanh, có số IMEI 357332563298617 và 357332563798616; máy đã qua sử dụng, chưa kiểm tra tình trạng bên trong.

- 01 (một) điện thoại di động vỏ màu đen nhãn hiệu OPPO, máy đã qua sử dụng, chưa kiểm tra tình trạng bên trong.

Bản Cáo trạng số: 690/CT-VKSQB-P1 ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 305 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê H về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 305 và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Trần Thị L2 và Lê Thị

L3 về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”, theo quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 305; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 10 năm đến 10 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 305; khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Lê H từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” và từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc Lê Hiệp chấp H1 hình phạt từ 10 năm đến 11 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ Luật Hình sự: phạt các bị cáo Trần Thị L2 và Lê Thị L3 mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu huỷ 70,86 kg thuốc nổ có thành phần chính là TNT (Trinitrotoluen); 14 kíp nổ điện số 8; 3,96m dây cháy chậm.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Y 01 xe mô tô BKS 74B1 - 123.38 và 01 Giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Y.

+ Trả lại cho bà Lương Thị L1 01 xe mô tô BKS 75X1- 0815.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức T 01 Giấy phép lái xe số 450063006372 mang tên Nguyễn Đức T.

+ Tịch thu các điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG; 01 điện thoại di động vỏ màu đen nhãn hiệu OPPO, đây là các phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội.

+ Tịch thu tiêu huỷ 19 bao lác màu trắng, hai mặt đều có in chữ và hình ảnh màu xanh, đỏ vàng, trong đó có một mặt ghi “ĐẠM NINH BÌNH” do đây là dụng cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

- Buộc bị cáo Lê Hiệp N1 lại số tiền 16.200.000 đồng; bị cáo Nguyễn Đức T nộp lại số tiền 6.200.000 đồng do phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đề nghị tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Q và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh, khung hình phạt:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê H, Trần Thị L2, Lê Thị L3 khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng làm rõ tại phiên tòa, do đó, có cơ sở xác định:

Tháng 8/2023, Nguyễn Đức T đã có hành vi bán 9,34 kg thuốc nổ TNT cho Trần Thị L2 với số tiền 4.200.000 đồng và bán 05 kg thuốc nổ TNT cho Lê Thị L5 với số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 08/01/2024, Nguyễn Đức T đã mua của Lê H 60,6 kg thuốc nổ loại TNT với số tiền 16.200.000 đồng, sau đó vận chuyển số thuốc nổ này từ Quảng Trị ra Quảng Bình với ý định bán lại để kiếm lời. Như vậy, Nguyễn Đức T đã có hành vi vận chuyển, mua bán tổng cộng 74,94 kg thuốc nổ TNT, đã phạm tội “Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”, theo quy định tại khoản 3 Điều 305 Bộ luật Hình sự.

Lê H đã có hành vi tàng trữ, vận chuyển để bán cho Nguyễn Đức T 60,6 kg thuốc nổ TNT với số tiền 16.200.000 đồng, đã phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” quy định tại khoản 3 Điều 305 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Lê H còn có hành vi tàng trữ 02 (hai) viên đạn quân dụng cỡ (12,7x108) mm, đã phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Trần Thị L2 đã có hành vi mua của Nguyễn Đức T 9,34 kg thuốc nổ TNT với số tiền 4.200.00 đồng; Lê Thị L3 đã có hành vi mua của Nguyễn Đ 05 kg thuốc nổ TNT với số tiền 2.000.00 đồng và tàng trữ 0,92 kg thuốc nổ TNT, 14 kíp nổ điện số 8 và 3,96 m dây cháy chậm nhằm mục đích sử dụng để đi đánh cá, hành vi của bị can Trần Thị L2 và Lê Thị L5 đã phạm tội “Mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ” quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng số: 690/CT-VKSQB-P1 ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê H, Trần Thị L2, Lê Thị L3 theo điều luật, khung hình phạt đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ nghiêm trọng, vừa xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước về vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, đe dọa đến sự an toàn của xã hội, phá hủy môi trường tự nhiên khi sử dụng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an ninh môi trường. Các bị cáo đều là những người có đủ khả năng để nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố tình thực hiện. Do đó, cần xét xử nghiêm đối với các bị cáo răn đe, giáo dục, cải các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều có quá trình nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Bị cáo Nguyễn Đức T đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đức T tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án được Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đề nghị; có bố là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì, bản thân bị cáo là cựu chiến binh, quá trình sinh sống tại địa phương được UBND xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị tặng Giấy khen vì có thành tích trong phong trào chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015-2018, do đó, Nguyễn Đức T còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê H có bố, mẹ là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến và Huy chương kháng chiến Hạng Nhất; quá trình sinh sống đã tích cực tham gia các phong trào tại địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận; có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã G về việc vào ngày 12/6/2005 đã cứu anh T3 Công An khỏi bị đuối nước nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối bị cáo Trần Thị L2 có Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N về việc tích cực tham gia công tác đoàn thể, tham gia cứu trợ, cứu nạn tại vùng lũ lụt các năm 2020 và 2024, bản thân bị cáo bị phẫu thuật dạ dày tại Bệnh viện Trung ương Huế; Bị cáo Lê Thị L3 có tham gia các hoạt động thiện nguyện, cứu trợ, cứu nạn tại vùng lũ lụt và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N, do đó, hai bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt áp dụng:

Xét tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội, quá trình nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù tiếp tục cách ly hai bị cáo Nguyễn Đức T và Lê Hiệp M thời gian nhất định tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm có đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở lại là những công dân sống lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với hai bị cáo Trần Thị L2 và Lê Thị L3 xét thấy có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, quá trình nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo Trần Thị L2 bị bệnh hiểm nghèo; bị cáo Lê Thị L3 còn nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó, chưa cần thiết phải cách ly để cải tạo mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo này được hưởng án treo là cũng đủ nghiêm và đảm bảo tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Các bị cáo đều không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với hành vi tàng trữ tổng cộng 2,9kg pháo nổ của bị can Lê H do chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Q đã chuyển hồ sơ, tài liệu Công an huyện G, tỉnh Quảng Trị để xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

[7]. Về xử lý vật chứng vụ án và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Q xử lý theo quy định: 70,86 kg thuốc nổ có thành phần chính là TNT (T4), tình trạng còn sử dụng được; 14 kíp nổ điện số 8, còn sử dụng được; 3,86m dây cháy chậm, còn sử dụng được; 02 viên đạn màu vàng cỡ (12,7x108) mm.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Y 01 xe mô tô BKS 74B1 - 123.38 và 01 Giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Y do đây là tài sản đứng tên bà Y, quá trình bị cáo Nguyễn Đức T sử dụng để phạm tội bà Y không biết.

+ Trả lại cho bà Lương Thị L1 01 xe mô tô BKS 75X1- 0815 do xác định đây là tài sản do bà L1 mua để sử dụng chung trong gia đình, bà L1 không biết bị cáo Lê H sử dụng để phạm tội.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức T 01 Giấy phép lái xe số 450063006372 mang tên Nguyễn Đức T.

+ Tịch thu các điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG; 01 điện thoại di động vỏ màu đen nhãn hiệu OPPO, đây là các phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội.

+ Tịch thu tiêu huỷ 19 bao lác màu trắng, hai mặt đều có in chữ và hình ảnh màu xanh, đỏ vàng, trong đó có một mặt ghi “ĐẠM NINH BÌNH” do đây là dụng cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lê H phải nộp lại số tiền 16.200.000 đồng; bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp lại số tiền 6.200.000 đồng do phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

[8]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: buộc các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê H, Trần Thị L2 và Lê Thị L3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”; bị cáo Lê H phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; các bị cáo Trần Thị L2 và Lê Thị L3 phạm tội “Mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 305; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Nguyễn Đức T 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 08/01/2024.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 305; khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Lê H 09 (chín) năm tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” và 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, phạt bị cáo Lê H 10 (mười) mười năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 11/01/2024.

Tiếp tục tạm giam hai bị cáo Nguyễn Đức T và Lê H với thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử sơ thẩm để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ Luật Hình sự:

+ Phạt bị cáo Trần Thị L2 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Phạt bị cáo Lê Thị L3 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao hai bị cáo Trần Thị L2 và Lê Thị L3 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng vụ án và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Q xử lý theo quy định: 70,86 kg thuốc nổ có thành phần chính là TNT (T4), tình trạng còn sử dụng được; 14 kíp nổ điện số 8, còn sử dụng được; 3,86m dây cháy chậm, còn sử dụng được; 02 viên đạn màu vàng cỡ (12,7x108) mm.

(Các vật chứng nói trên có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/3/2025 giữa Công an tỉnh Q với Kho K6/PHC - Kt Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Q).

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Y 01 xe mô tô BKS 74B1 - 123.38 và 01 Giấy đăng ký xe số 001312 mang tên Nguyễn Thị Y.

+ Trả lại cho bà Lương Thị L1 01 xe mô tô BKS 75X1- 0815.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức T 01 Giấy phép lái xe số 450063006372 mang tên Nguyễn Đức T.

+ Tịch thu các điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG; 01 điện thoại di động vỏ màu đen nhãn hiệu OPPO, đây là các phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội.

+ Tịch thu tiêu huỷ 19 bao lác màu trắng, hai mặt đều có in chữ và hình ảnh màu xanh, đỏ vàng, trong đó có một mặt ghi “ĐẠM NINH BÌNH” do đây là dụng cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

(Các vật chứng nói trên có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/01/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình).

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lê H phải nộp lại số tiền 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp lại số tiền 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê H, Trần Thị L2 và Lê Thị L3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Theo khoản 1 Điều 262 BLTTHS;

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Cục THADS tỉnh QB;

- Sở Tư pháp tỉnh QB;

- Vụ GDKT 1 TAND TC;

- Phòng HSNV CAQB (PV06);

- Các bị cáo, NCQLNVLQ;- Lưu: hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự.

Nguyễn Xuân Diệu

